TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **03**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2022
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt

- Thư ký ghi biên bản: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: tham gia phiên tòa có ông Nguyễn Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại truï sôû Toaø aùn nhaân daân huyeän Hoøn Ñaát, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc **"**Tranh chấp ly hôn và nuôi con**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992

2. Bị đơn: Anh Châu Ngọc V, sinh năm 1983

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp Kinh 9, xã BG huyện HĐ tỉnh KG

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn xin ly hôn, chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Châu Ngọc V quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào cuối năm 2010, hai bên có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị sinh được 01 người con chung tên Châu Dũng, sinh ngày 09/09/2010.

Về mâu thuẫn gia đình: Từ năm 2018 hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi, bất hòa thường xuyên. Từ đó hai bên sống ly thân từ khoảng cuối năm 2019 cho đến nay.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Châu Ngọc V.

Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Châu Ngọc V trình bày tại phiên tòa:*

Thống nhất với trình bày của cô N về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, do cô N muốn đi học làm tóc, tôi không đồng ý rồi cô N bỏ đi, không lo cho con. Nay tôi không đồng ý ly hôn, nếu muốn ly hôn thì giao con lại cho tôi nuôi. Trường hợp Tòa án giải quyết giao con cho cô N nuôi dưỡng thì tôi yêu cầu khi tôi gọi điện thăm con thì phải tạo điều kiện cho tôi nói chuyện với con và khi cha tôi qua đời (là ông nội bé) thì phải đưa con tôi qua chịu tang ông nội 01 tuần.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Đối với yêu cầu nuôi con chung của các đương sự, xét thấy hiện nay cháu Châu Dũng đang sinh sống và học tập tại ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên để cháu có cuộc

sống ổn định, không bị xáo trộn về môi trường sống, đề nghị HĐXX giao cháu Dũng cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Châu Ngọc V kết hôn là do tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/6/2015 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, dẫn đến việc hai bên sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định không còn tình cảm gì với anh V, không thể hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng với anh V nên chị mong muốn được ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng này.

Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Chị N và anh V hiện tại đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau trong suốt thời gian dài từ cuối năm 2019 cho đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Như vậy, HĐXX có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị N.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Châu Dũng, sinh ngày 09/9/2010. Các đương sự đều có yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, cháu Châu Dũng từ nhỏ đã sống tại ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và hiện nay vẫn đang học lớp 4 Trường tiểu học xã Bình Giang. Hiện tại chị N có công việc tương đối ổn định tại địa phương, có mở một tiệm chăm sóc tóc gần nhà, trong khi anh V thì thường xuyên phải đi làm thuê (vác lúa), trong thời gian mấy tháng qua anh V đưa con về An Giang sinh sống nhưng hàng ngày phải gửi con cho anh trai chăm sóc. Tại phiên tòa hôm nay, cháu Dũng trình bày có nguyện vọng muốn được ở với mẹ để thuận tiện cho việc đi học. Do đó, để đảm bảo cho cháu không bị xáo trộn về môi trường sống, đồng thời xét về quyền lợi mọi mặt của cháu, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N, tiếp tục giao cháu Châu Dũng cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Trong thời gian chị N nuôi con chung, anh V có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị N.

4. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 227, Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Châu Ngọc V.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Châu Dũng, sinh ngày 09/9/2010 đến khi con đủ 18 tuổi.

Trong thời gian chị N nuôi dưỡng con chung, anh V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha (mẹ) các cháu hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0003163 ngày 15 tháng 6 năm 2021. Chị N không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Bình Giang;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc